

# TRUNG LẬP

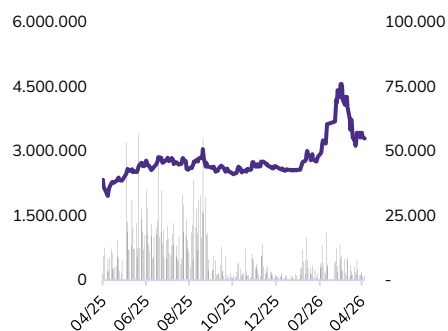
Lê Thị Kim Huê

Email: [hue.lethikim@abs.vn](mailto:hue.lethikim@abs.vn)

## THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Phân bón
Ngày báo cáo	: 14/04/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 57.900
Giá mục tiêu (VND/CP)	: <b>59.100</b>
Tỷ lệ tăng (%)	: <b>+2,1%</b>
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 3.310
SLCPLH (CP)	: 57.167.993

## DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	4Q24	4Q25
Tăng trưởng DTT (%)	12,2%	-0,1%
Tăng trưởng LNST (%)	97,4%	-43,8%
Biên LNG (%)	14,2%	12,8%
Biên LNST (%)	2,9%	1,6%
ROA (%)	2,2%	1,0%
ROE (%)	5,7%	2,9%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,51	0,81
EPS (VND/CP)	1.131	635
BVPS (VND/CP)	22.001	24.162

Nguồn: FiinPro, ABS Research

## Triển vọng ổn định nhờ lượng hàng tồn kho lớn

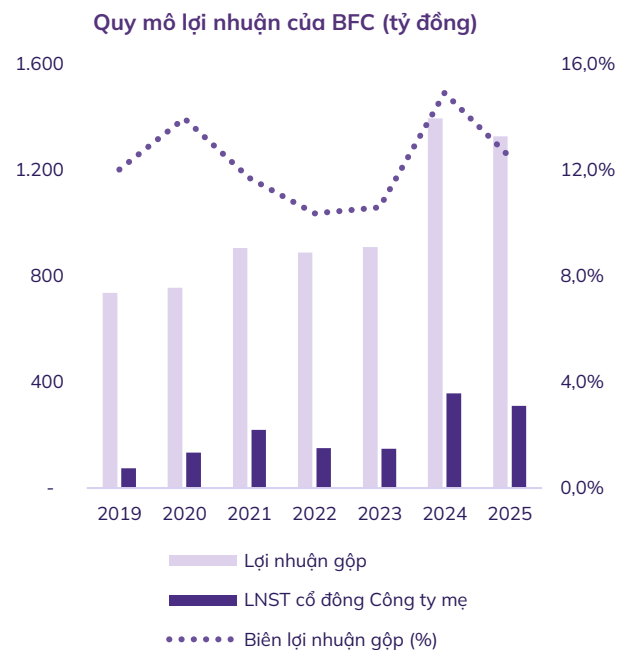
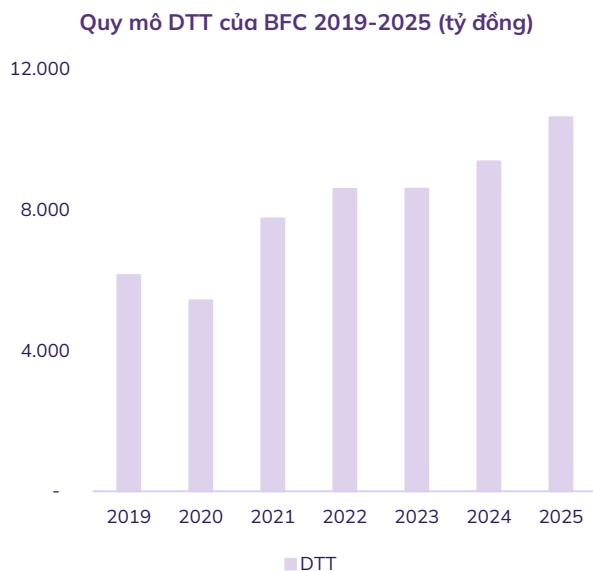
- KQKD Q4/2025 – Doanh thu đi ngang nhưng lợi nhuận sụt giảm svck do giá đầu ra (NPK) tăng chậm hơn giá nguyên liệu đầu vào (ure, kali, DAP) và sản lượng sụt giảm.
- ✓ Doanh thu thuần (DTT) của BFC đạt 2.468 tỷ đồng (-0,1% svck). Lợi nhuận gộp (LNG) giảm về còn 317 tỷ đồng (-9,8% svck nhưng tăng +43,5% QoQ). Biên LNG sụt giảm về còn 12,8% (-1,4 điểm % svck nhưng +2,1 điểm % QoQ).
- ✓ KQKD Q4/2025 sụt giảm svck là do:
  - Sản lượng sản xuất và tiêu thụ đều giảm svck, đạt 189.412 tấn (-13,7% svck) và 192.178 tấn (-5,5% svck) do nhu cầu suy giảm rõ rệt vì mùa vụ muộn hơn, dồn sang đầu năm 2026 khi mùa mưa ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ kéo dài & vụ Đông Xuân trễ. Tổng nhu cầu NPK toàn thị trường Q4/2025 (gồm nội địa và xuất khẩu) ước đạt 507 nghìn tấn, trong khi đó tổng nguồn cung cả thị trường trong Q4/2025 (gồm tồn kho đầu kỳ, sản xuất và nhập khẩu) ước đạt 1,4 triệu tấn, tồn kho cuối kỳ tăng mạnh lên 891 nghìn tấn (+51,5% QoQ);
  - Biên LNG thu hẹp do giá NPK tăng chậm hơn giá nguyên liệu đầu vào là giá ure, kali và DAP. Cụ thể, giá NPK khu vực Đông Nam Á giảm về 462 USD/tấn (-4,3% svck). Trong khi đó, giá ure các thị trường tăng bình quân +14,5% svck, giá DAP tăng bình quân 14,2% svck, giá kali Châu Á tăng +21% svck lên 370 USD/tấn.
- ✓ Chi phí bán hàng & QLDN giảm về còn 212 tỷ đồng (-4% svck), chủ yếu do chi phí bán hàng giảm. Doanh thu tài chính giảm về 3,5 tỷ đồng (-69,2% svck) trong khi chi phí tài chính tăng mạnh +21,6% svck lên 27 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí lãi vay tăng mạnh +70,5% svck lên 19 tỷ đồng khi công ty tăng mạnh nợ vay ngắn hạn. **Kết quả, Q4/2025, LNST cổ đông Công ty mẹ đạt trên 40 tỷ đồng (-43,8% svck).**
- KQKD 2025 – doanh thu tăng lên mức cao nhất 10 năm qua nhưng lợi nhuận vẫn sụt giảm svck.
- ✓ Lũy kế năm 2025, DTT của BFC đạt 10.616 tỷ đồng (+13,4% svck), LNG sụt giảm về 1.325 tỷ đồng (-4,9% svck), biên LNG đạt 12,5% (-2,4 điểm % svck).
- ✓ Trong đó, thị trường nội địa đóng vai trò chủ chốt với DTT đạt 8.579 tỷ đồng (+8,4% svck, chiếm 80,8%), LNG 1.188 tỷ đồng (-6,5% svck, chiếm 89,7%). Xuất khẩu tăng dần tỷ trọng đóng góp trong cơ cấu DTT (từ 15,4% năm 2024 lên 19,2% năm 2025) & LNG (từ 8,9% năm 2024 lên 10,3% năm 2025) với DTT và LNG năm 2025 lần lượt đạt 2.038 tỷ đồng (+41% svck) & 137 tỷ đồng (+10,3% svck). Thị trường xuất khẩu chính là Lào, Campuchia, Myanmar, Cuba.

## KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025 & NĂM 2025

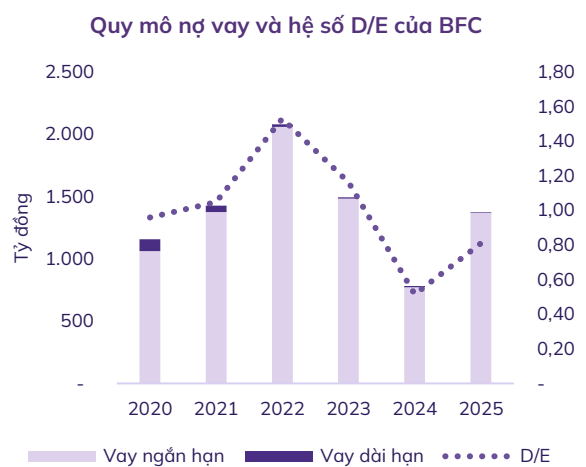
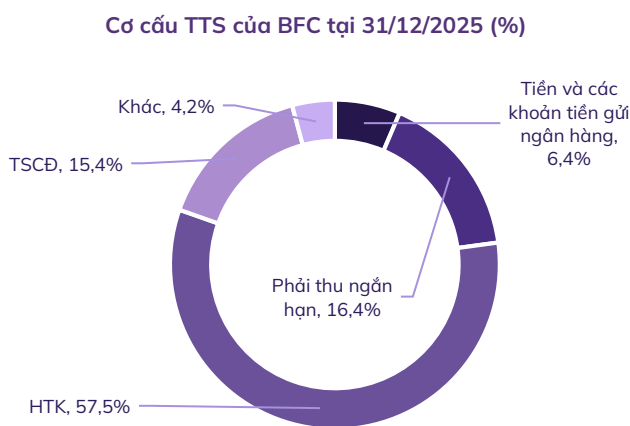
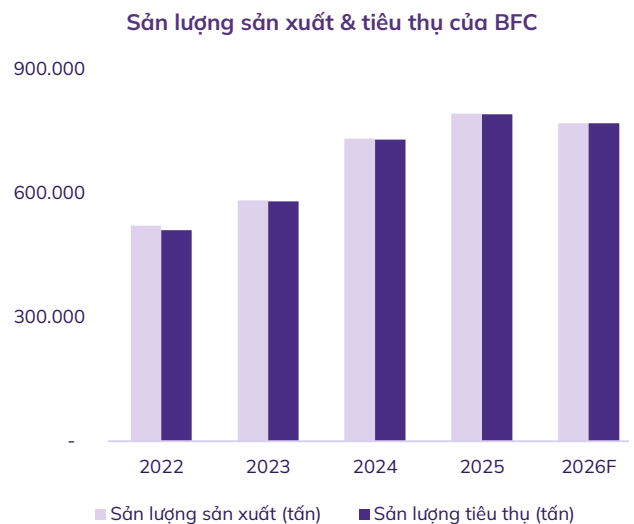
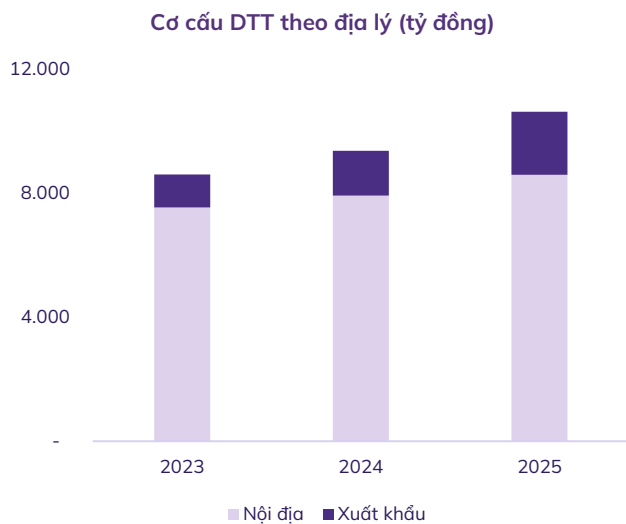
Chỉ tiêu	4Q24	4Q25	%YoY	2024	2025	%YoY
Doanh thu thuần	2.471	2.468	-0,1%	9.358	10.616	13,4%
Lợi nhuận gộp	352	317	-9,8%	1.393	1.325	-4,9%
<i>Biên LN gộp</i>	14,2%	12,8%		14,9%	12,5%	
Chi phí BH & QLDN	(220)	(212)	-4,0%	(801)	(783)	-2,3%
<i>Tỷ lệ Chi phí BH &amp; QLDN/DTT</i>	8,9%	8,6%		8,6%	7,4%	
Doanh thu tài chính	11	3	-69,2%	28	24	-15,5%
Chi phí tài chính	(22)	(27)	21,6%	(89)	(73)	-18,1%
<i>Chi phí lãi vay</i>	(11)	(19)	70,5%	(57)	(50)	-11,3%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	120	82	-31,8%	531	493	-7,2%
Lợi nhuận trước thuế	124	82	-34,0%	531	495	-6,7%
<b>LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số</b>	<b>72</b>	<b>40</b>	<b>-43,8%</b>	<b>357</b>	<b>310</b>	<b>-13,2%</b>
<i>Biên LN ròng</i>	2,9%	1,6%		3,8%	2,9%	

Nguồn: BFC, ABS Research

- ✓ DTT năm 2025 tăng lên mức cao nhất 10 năm khi sản lượng sản xuất và tiêu thụ đều tăng lên lần lượt là 791.608 tấn (+8,2% svck) & 790.086 tỷ đồng (+8,4% svck) nhưng LNG vẫn sụt giảm chủ yếu do giá nguyên liệu đầu vào là ure, kali và DAP tăng cao svck.
- ✓ Chi phí bán hàng & QLDN giảm nhẹ về 783 tỷ đồng (-2,3% svck), chủ yếu do chi phí quảng bá, tiếp thị bán hàng giảm svck. Doanh thu tài chính giảm -15,5% svck về còn 24 tỷ đồng, chủ yếu do lãi chênh lệch tỷ giá giảm trong khi đó chi phí tài chính giảm -18,1% svck về còn 73 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí lãi vay giảm về 50 tỷ đồng (-11,3% svck) nhờ lãi suất cho vay bình quân duy trì ở mức thấp và lỗ chênh lệch tỷ giá giảm svck.
- ✓ **Kết quả. LNST cổ đông công ty mẹ năm 2025 của BFC đạt 310 tỷ đồng (-13,2% svck), hoàn thành 176,1% kế hoạch lợi nhuận năm 2025.**



Nguồn: FiinPro, ABS Research



Nguồn: BFC, FiinPro, tradingeconomics, ABS Research

• **Tình hình tài chính – Nợ ngắn hạn tăng mạnh khi tồn kho và phải thu tăng cao:**

✓ **Lượng tiền giảm mạnh.** Tại 31/12/2025, BFC có 255 tỷ đồng tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng (-59,9% so với cuối năm 2024), chiếm 6,4% cơ cấu TTS. Lượng tiền sụt giảm mạnh là do BFC đã chủ động gia tăng tích trữ hàng tồn kho. Công ty cũng có lịch sử chi trả cổ tức bằng tiền khá cao và đều đặn, dao động từ 20-35%/năm.

✓ **Các khoản phải thu ngắn hạn & hàng tồn kho tăng mạnh:**

- Tại 31/12/2025, các khoản phải thu ngắn hạn có giá trị 652 tỷ đồng (+40,6% so với thời điểm cuối năm 2024), chiếm 16,4% cơ cấu TTS, trích lập dự phòng 57,3 tỷ đồng. Trong đó, khoản phải thu của khách hàng Công ty TNHH Yetak – Cambodia tăng mạnh lên 199,5 tỷ đồng (+192,6% so với cuối năm 2024). Điều này cho thấy công ty đã nới lỏng tín dụng để duy trì sản lượng nhưng điều này cũng sẽ ảnh hưởng tới dòng tiền và gia tăng rủi ro thu hồi công nợ trong thời gian tới.
- Trong khi đó, hàng tồn kho tăng +55,7% so với thời điểm cuối năm 2024, lên 2.283 tỷ đồng, chiếm 57,5% cơ cấu TTS. Đây chủ yếu là nguyên vật liệu phân bón các loại như ure, DAP, cao lanh.... Việc gia tăng tồn kho ở mức cao phản ánh xu hướng tích trữ nguyên liệu trong bối cảnh thị trường phân bón biến động. Trong điều kiện tiêu thụ chưa cải thiện rõ rệt, động thái này cũng làm gia tăng áp lực lên dòng tiền và rủi ro biến động giá tồn kho. Tuy nhiên, việc tăng dự trữ nguyên liệu đầu vào của BFC lại trở nên khá tích cực trong bối cảnh giá ure, DAP, kali tăng mạnh từ cuối T2/2026 tới nay khi chiến sự Trung Đông giữa Mỹ - Iran xảy ra.

- ✓ **Nợ vay có xu hướng tăng lên.** Tại 31/12/2025, BFC có 1.373 tỷ đồng nợ vay (+75,8% so với cuối năm 2024), trong đó chủ yếu là nợ vay ngắn hạn 1.368 tỷ đồng (+77,2% so với cuối năm 2024) nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động. Hệ số D/E đã tăng từ 0,51 lần (2024) lên 0,81 lần (2025). Nợ vay gia tăng mạnh, chủ yếu ở nợ ngắn hạn trong bối cảnh hàng tồn kho và các khoản phải thu tăng cao, qua đó làm gia tăng áp lực thanh khoản và chi phí tài chính, đồng thời tiềm ẩn rủi ro đối với chất lượng lợi nhuận trong các kỳ tới. Chúng tôi cũng lưu ý là dòng tiền thuần từ HĐKD năm 2025 bị âm 731,6 tỷ đồng.

- **Triển vọng & Dự báo:**

**Chúng tôi đánh giá triển vọng của BFC thời gian tới tiếp tục ổn định nhưng phải đối mặt với nhiều thách thức dựa trên các yếu tố sau:**

- ✓ **Triển vọng ngành phân bón Việt Nam năm 2026 tích cực.** Trong cả năm, nhu cầu phân bón vẫn được hỗ trợ nhờ giá nông sản duy trì ở mức tốt, tạo động lực để nông dân đầu tư trở lại cho sản xuất. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, tốc độ tăng trưởng của ngành phân bón Việt Nam giai đoạn 2025-2033 tăng trưởng ước đạt 5%/năm. Trong khi đó, trên thị trường quốc tế, xuất khẩu phân bón Việt Nam có thể tiếp tục gia tăng ít nhất trong 2-3 tháng tới khi các nguồn cung phân bón toàn cầu bị gián đoạn bởi xung đột tại khu vực Trung Đông. Ngoài ra, BFC dự kiến còn hưởng lợi từ nhu cầu trong nước Q1/2026 dự báo tăng cao do dịch chuyển từ Q4/2025 sang.
- ✓ **Hưởng lợi từ giá phân bón tăng cao do bất ổn địa chính trị tại Trung Đông làm gián đoạn nguồn cung & lượng hàng tồn kho của BFC lớn.** Trước tình hình chiến sự Trung Đông, giá nhiều loại phân bón như ure, DAP, kali... đã tăng mạnh 15-50% so với đầu năm 2026 do gián đoạn nguồn cung. Trong bối cảnh đó, giá bán phân NPK trong nước có xu hướng tăng theo giá nguyên liệu đầu vào, qua đó tạo điều kiện để BFC điều chỉnh giá bán và cải thiện doanh thu. Đồng thời, việc BFC đã gia tăng dự trữ nguyên liệu từ trước có thể giúp hưởng lợi từ chênh lệch giá trong ngắn hạn khi mặt bằng giá tiếp tục duy trì ở mức cao. Về trung hạn, hiệu quả thực sự phụ thuộc vào khả năng chuyển hóa chi phí đầu vào vào giá bán và diễn biến nhu cầu thị trường.
- ✓ **BFC đang và sẽ đẩy mạnh kênh xuất khẩu** với tỷ trọng doanh thu tăng từ 12,3% (2023) lên 19,2% (2025), và LNG cũng tăng từ 8,6% lên 10,3% trong cùng kỳ. Các thị trường xuất khẩu chính bao gồm Lào, Campuchia, Myanmar và Cuba, qua đó cho thấy dư địa tăng trưởng tại các thị trường khu vực vẫn còn đáng kể. Trong bối cảnh Trung Quốc duy trì chính sách hạn chế xuất khẩu phân bón, nguồn cung toàn cầu bị thu hẹp có thể tạo điều kiện để BFC mở rộng thị phần xuất khẩu, đặc biệt tại các thị trường truyền thống. Tuy nhiên, mức độ đóng góp của kênh này còn phụ thuộc vào khả năng cạnh tranh về giá và chi phí đầu vào, cũng như diễn biến nhu cầu tại các thị trường xuất khẩu.
- ✓ **Chúng tôi cũng lưu ý BFC sẽ phải đối mặt với một số thách thức:**
  - Giá bán NPK có thể không tăng tương xứng với giá các nguyên liệu đầu vào là ure, DAP, Kali..., từ đó ảnh hưởng tới biên lợi nhuận của BFC.
  - Hiện tượng thời tiết El Nino dự báo có thể sớm quay trở lại, làm tăng tình trạng khô hạn và ảnh hưởng tới điều kiện canh tác nông nghiệp, từ đó làm giảm sản lượng tiêu thụ phân bón NPK.
- ✓ ABS Research dự phóng DTT & LNST 2026F của BFC dự kiến đạt 11.693 tỷ đồng (+10,1% svck) & 353 tỷ đồng (+13,9% svck). EPS & BVPS 2026F dự kiến đạt 6.177 đ/cp & 27.909 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 9,37 và 2,07 lần tại mức giá hiện tại. ROE 2026F đạt 23,7%.
- ✓ Chúng tôi xác định giá mục tiêu của BFC là 59.100 đ/cp theo phương pháp định giá so sánh với mức P/E và P/B mục tiêu lần lượt là 11,44 và 1,94 lần. Với tiềm năng tăng giá +2,1% so với giá hiện tại, chúng tôi khuyến nghị **TRUNG LẬP** đối với cổ phiếu BFC.

## PHỤ LỤC: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA BFC

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
<b>Doanh thu thuần</b>	8.588	9.358	10.616	11.693
Giá vốn hàng bán	-7.680	-7.965	-9.291	-10.247
<b>Lợi nhuận gộp</b>	908	1.393	1.325	1.445
Doanh thu tài chính	21	28	24	27
Chi phí tài chính	-140	-89	-73	-60
Chi phí bán hàng	-424	-590	-566	-623
Chi phí QLDN	-166	-212	-217	-240
<b>Lợi nhuận từ HĐKD</b>	199	531	493	549
Lãi/Lỗ khác	-3	-1	2	-1
Lợi nhuận trước thuế	196	531	495	548
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	135	426	400	443
<b>LNST cổ đông Công ty mẹ</b>	148	357	310	353

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
LCT thuần từ HĐKD	828	996	-732	761
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	-27	-76	-70	-100
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	-734	-901	425	-514
<b>LCT thuần trong kỳ</b>	66	20	-376	146
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	541	607	627	250
<b>Tiền &amp; tương đương tiền cuối kỳ</b>	607	627	250	397

Chỉ số tài chính	2023	2024	2025	2026F
<b>Khả năng thanh toán</b>				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,27	1,50	1,46	1,77
Khả năng thanh toán nhanh	0,55	0,63	0,40	0,83
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,29	0,37	0,11	0,23
Khả năng thanh toán lãi vay	2,67	10,34	10,83	16,37

Cơ cấu vốn	2023	2024	2025	2026F
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,37	0,46	0,43	0,53
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,63	0,54	0,57	0,47
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	1,16	0,51	0,81	0,49

Chỉ số hiệu suất hoạt động	2023	2024	2025	2026F
Số ngày phải thu	24,3	21,0	20,2	26,8
Số ngày phải trả	17,6	16,0	16,2	12,6
Số ngày tồn kho	91,6	68,4	73,6	67,6

Khả năng sinh lời	2023	2024	2025	2026F
Tỷ suất lợi nhuận gộp	10,6%	14,9%	12,5%	12,4%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	3,7%	6,2%	5,1%	4,9%
Tỷ suất LNST	1,6%	4,5%	3,8%	3,8%
ROE	13,7%	30,6%	23,5%	23,7%
ROA	3,8%	10,6%	8,6%	9,2%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
<b>Tài sản</b>				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	607	627	250	397
+ Đầu tư ngắn hạn	20	11	5	7
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	561	464	652	1.041
+ Hàng tồn kho	1.520	1.466	2.283	1.511
+ Tài sản ngắn hạn khác	35	42	123	131
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	2.743	2.609	3.314	3.085
+ Các khoản phải thu dài hạn	4	5	5	5
+ Tài sản cố định	646	633	612	620
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	39	8	5	5
+ Đầu tư dài hạn	6	5	5	5
+ Tài sản dài hạn khác	16	18	28	27
<b>Tài sản dài hạn</b>	711	668	655	662
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>3.455</b>	<b>3.277</b>	<b>3.969</b>	<b>3.747</b>
+ Vay ngắn hạn	1.484	772	1.368	968
+ Nợ ngắn hạn khác	675	971	900	774
<b>Nợ ngắn hạn</b>	2.159	1.743	2.268	1.741
+ Vay dài hạn	10	9	5	5
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	0	8	0	0
<b>Nợ dài hạn</b>	10	17	5	5
<b>Tổng nợ phải trả</b>	2.169	1.760	2.273	1.747
+ Vốn cổ phần	572	572	572	572
+ Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	258	433	538	721
+ Quỹ khác	456	513	586	708
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	1.286	1.517	1.696	2.000
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>3.455</b>	<b>3.277</b>	<b>3.969</b>	<b>3.747</b>

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2023	2024	2025	2026F
Tăng trưởng doanh thu	0,1%	9,0%	13,4%	10,1%
Tăng trưởng LNST	-8,7%	87,2%	-7,2%	7,1%
Tăng trưởng LNST	-30,3%	215,7%	-6,0%	10,8%
Tăng trưởng VCSH	-5,5%	18,0%	11,7%	18,0%
Tăng trưởng Tổng tài sản	-19,7%	-5,1%	21,1%	-5,6%

Định giá (lần)	2023	2024	2025	2026F
P/E	16,1	7,6	7,0	9,0
P/B	2,0	1,9	1,4	2,0
EPS	2.334	5.620	4.878	6.177
BVPS	18.767	22.001	24.162	27.909

Nguồn: FiinPro, ABS Research

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

## Khuyến nghị cổ phiếu

<b>MUA</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
<b>KHẢ QUAN</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
<b>TRUNG LẬP</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
<b>KÉM KHẢ QUAN</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
<b>BÁN</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng

# Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: [www.abs.vn](http://www.abs.vn)

## Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: [abs-research@abs.vn](mailto:abs-research@abs.vn)

**Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT**

Email: [linh.ngthithuy@abs.vn](mailto:linh.ngthithuy@abs.vn)

**Dầu khí, Điện, Hóa chất**

**Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc TTPT**

Email: [hue.lethikim@abs.vn](mailto:hue.lethikim@abs.vn)

**PTKT và Chiến lược thị trường**

**Đặng Xuân Lưu – Giám đốc**

Email: [luu.dangxuan@abs.vn](mailto:luu.dangxuan@abs.vn)

**Vĩ mô, Tài chính**

**Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên**

Email: [hai.nguyenxuan@abs.vn](mailto:hai.nguyenxuan@abs.vn)

**Bất động sản, Xây dựng, VLXD**

**Phạm Hồng Trường – Chuyên viên**

Email: [truong.phamhong@abs.vn](mailto:truong.phamhong@abs.vn)

**Hàng và Dịch vụ công nghiệp**

**Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên**

Email: [duyen.nguyenthiky@abs.vn](mailto:duyen.nguyenthiky@abs.vn)

**Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông**

**Bùi Minh Anh - Chuyên viên**

Email: [anh.buiminhh@abs.vn](mailto:anh.buiminhh@abs.vn)

**Bán lẻ, Hàng tiêu dùng**

**Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên**

Email: [thu.kieuthithanh@abs.vn](mailto:thu.kieuthithanh@abs.vn)



**Tu hào**  
**NHẬN CÚ ĐÚP**  
**GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP**  
**ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI  
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH**  
**IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT  
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay  
ABS Invest tại đây